TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST Ngày: 27-6 -2025 "*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Thống.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1984; CCCD số 091084003254 địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1986; CMND số 371261763, địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông* Trần Văn Đ *trình bày*:

- Về hôn nhân: Ông Đ và bà T qua thời gian tìm hiểu sau đó được sự thống nhất của gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã V theo đúng quy định của pháp luật. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng xuất hiện nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặt dù đã cố gắng hàn gắn để hạnh phúc gia đình không bị đỗ vỡ nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống hôn nhân vẫn tiếp tục xảy ra

mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông và bà T sống đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Nay ông Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có con chung 01 người con chung là Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 11/10/2011, giới tính: Nam, hiện nay con đang sống chung với bà T. Nay ly hôn ông Đ thống nhất giao con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Đảo xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà T để bà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình vắng mặt không rõ lý do từ khi thụ lý và trong quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Đ được ly hôn với bà T. Về con chung, đề nghị giao con chung là Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 11/10/2011, giới tính: Nam, cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu, hiện nay con đang sống chung với bà T. Về tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà

án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; về nợ chung không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn bà Huỳnh Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, xét thấy sự vắng mặt của bà T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

Nguyên đơn ông Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn bà T và yêu cầu giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; ông Đ yêu cầu ly hôn với bà T, bà T có nơi cư trú tại ấp C, x̃ P, huyện V theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đ và bà T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù ông bà đã có thời gian để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2016. Nay ông Đ xác định không còn tình cảm với bà T, ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà T nhưng bà T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cố tình vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy ông Đ không còn tình cảm với bà T và bà T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và hiện nay ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2016. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 (*ly hôn theo yêu cầu một*

bên) của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Trần Văn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị T là phù hợp.

[**2.2**] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung là Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 11/10/2011, giới tính: Nam, hiện nay con đang sống chung với bà T. Nay ly hôn ông Đ thống nhất giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi sống ly thân đến nay con sống chung với bà T cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận bà T có đủ điều kiện nuôi con. Nên việc ông Đ yêu cầu giao con cho bà T tiếp tục nuôi con khi ly hôn là phù hợp nên chấp nhận giao cháu Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 11/10/2011, giới tính: Nam, cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, hiện nay con đang sống chung với bà T.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002648 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Ông Trần Văn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

2 - Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Anh D, sinh ngày 11/10/2011, giới tính: Nam, cho bà Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống chung với bà T, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Ông Đ được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Ông Đ xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4- Án phí ly hôn sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002648 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2025); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông;
- UBND xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Vinh